

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 12 - 2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức Hòa

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 203/2022/TLST- HNGĐ, ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2022/QĐXX - ST ngày 07 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn 1, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

Bị đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 1, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Hữu Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hữu Th và chị Bùi Thị T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước vào năm 2012. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về tình cảm và quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Anh Th và chị T đã sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Anh Th nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống, kéo dài hôn nhân thêm nữa nên yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước giải quyết được ly hôn với chị Bùi Thị T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh Th và chị T có 02 người con chung là cháu Nguyễn Hữu C, sinh năm 2012 và cháu Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 2019. Khi ly hôn, anh Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Hữu Đ cho đến khi cháu thành niên, không yêu cầu chị T cấp dưỡng. Trường hợp chị T không đồng ý nuôi cháu C thì anh Th đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cả cháu Đ và cháu C cho đến khi các cháu thành niên và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T thống nhất với lời trình bày của anh Th về thời gian sống chung, thời gian đăng ký kết hôn và nội dung mâu thuẫn do anh Th trình bày. Chị T xác định hiện nay tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Th không còn nên anh Thưỡng yêu cầu ly hôn thì chị T đồng ý.

Về con chung: Chị T và anh Thưỡng có 02 người con chung là cháu Nguyễn Hữu C, sinh năm 2012 và cháu Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 2019. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu C và cháu Đ cho đến khi các cháu thành niên, không đồng ý giao cháu Đ cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng/01cháu.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu Th vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện, không đồng ý giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Hữu C và cháu Nguyễn Hữu Đ cho chị Bùi Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Trường hợp buộc phải giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng thì anh Th đồng ý cấp dưỡng mỗi cháu 1.500.000đồng/cháu cho đến khi các cháu thành niên.

Bị đơn chị Bùi Thị T đồng ý ly hôn với anh Th nhưng yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu C và cháu Đ cho đến khi các cháu thành niên, không đồng ý giao cháu Đ cho anh Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; đồng thời yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi cháu C và cháu Đ mỗi cháu 1.500.000đồng/tháng.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Hữu Th; về con chung, giao cháu Nguyễn Hữu C, sinh năm 2012 và cháu Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 2019 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu C, cháu Đ đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi cháu C, cháu Đ mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu cho đến khi các cháu thành niên. Anh Th đồng ý mức cấp dưỡng như yêu cầu của chị T nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh Th.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí sơ thẩm, các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Phần thủ tục tố tụng:

[1] Theo đơn khởi kiện của anh Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Bùi Thị T. Hiện nay bị đơn đang cư trú tại xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Th và chị T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 02/5/2012 của Ủy ban nhân dân xã Lộc Thiện, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước đã được anh Th cung cấp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị T là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Anh Th và chị T đều thống nhất trong thời gian chung sống, vợ chồng phát nhiều mâu thuẫn do bất đồng về mặt tình cảm và quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, anh Th và chị T đã sống ly thân từ tháng 06/2022 cho đến nay. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh Th là trầm trọng, cuộc sống hôn nhân thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T cũng đồng ý ly hôn với anh Th. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của anh Th.

[4] Về con chung: Anh Th và chị T có 02 con chung là cháu Nguyễn Hữu C, sinh ngày 14/12/2012 và Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 21/01/2019. Quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung cho đến khi các cháu thành niên còn anh Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, nếu chị T không đồng ý nuôi cháu C thì anh Th đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cả cháu C. Xét nguyện vọng này của anh Th và chị T thấy rằng mặc dù cả anh Th và chị T đều có thu nhập và công việc ổn định, đảm bảo điều kiện về kinh tế để nuôi dưỡng các con chung. Tuy nhiên, anh Th hiện là bộ đội biên phòng công tác tại Đồn biên phòng Đăk Bô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; do đặc thù công tác nên anh Th phải thường xuyên ở đơn vị, cuối tuần mới về nhà nên không đảm bảo về mặt thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung. Tại phiên tòa anh Th trình bày sau khi ly hôn với chị T, anh Th sẽ chuyển công tác về thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước và công tác tại bộ phận khác nên sẽ đảm bảo điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Tuy nhiên, cho tới thời điểm hiện nay, anh Th vẫn đang công tác tại Đồn biên phòng Đăk Bô và cũng chưa có căn cứ xác định sau khi anh Th chuyển công tác về thành phố Đồng Xoài sẽ có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C và cháu Đ. Mặt khác, từ trước đến nay cháu C và cháu Đ đều do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; cháu Đ đang còn nhỏ cần

sự chăm sóc của mẹ, còn cháu C thì có nguyện vọng được sống cùng chị T sau khi chị T và anh Th ly hôn. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của các con chung cần giao cháu C và cháu Đ cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến các cháu đủ 18 tuổi nên yêu cầu của anh Th về phần con chung không được chấp nhận.

[5] Về vấn đề cấp dưỡng: Quá trình giải quyết vụ án, chị T yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi cháu C, cháu Đ mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu cho đến khi cháu C, cháu Đ đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, anh Th đồng ý với mức cấp dưỡng này của chị T nên cần ghi nhận sự tự nguyện này của anh Th.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn anh Th phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hữu Th về việc ly hôn. Anh Th được ly hôn với chị Bùi Thị T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hữu C, sinh ngày 14/12/2012 và cháu Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 21/01/2019 cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu C, cháu Đ đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Hữu Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hữu C, sinh ngày 14/12/2012 và Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 21/01/2019 với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000 đồng/cháu cho đến khi

cháu C, cháu D đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 23/12/2022).

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Hữu Th phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Th đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000673 ngày 17/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; anh Th phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã , thị trấn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào